

**CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN****VIET TIN TESTING CO., LTD**

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh
 Laboratory & Office: No.39A, 4th Street, An Lac Ward, Ho Chi Minh City
 Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
 Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 12669.2604/KQ-VTT
 Mã số/ Code: KH.04095 2604
 Mã số mẫu/ Sample code: PTN.10939 2604
 Trang/ Page: 1/ 2

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT**

Tên khách hàng/ Client : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH CẦN GIUỘC**
Địa chỉ/ Address : ĐT 835, Ấp Lộc Tiền, Xã Mỹ Lộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 03/04/2026 **Thời gian phân tích/ Time of analysis:** 03-09/04/2026
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 10/04/2026
Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch **Số lượng mẫu/ Quantity of sample:** 2 lít
Tên mẫu/ Name of sample : **Trạm 4: gồm xã Cần Giuộc (xã Phước Lại cũ) và ấp Vĩnh Thạnh xã Tân Tập (mua nước từ Công ty cổ phần nước Nhà Bè – CUỐI DÒNG – Miếu Ba Ông)**
Tình trạng mẫu / State of sample : Đựng trong can nhựa

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCĐP 01:2022/LA
1.	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C:2023	Không phát hiện (LOD = 3)	TCU	15
2.	Mùi, vị	SOP.01-436:2022 (Ref. TCVN 2653:1978, SMEWW 2150B, 2160B:2023)	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi vị lạ
3.	Độ đục (*)	SMEWW 2130B:2023	Không phát hiện (LOD = 0,15)	NTU	2
4.	pH (*)	TCVN 6492:2011	7,53	-	trong khoảng 6,0-8,5
5.	Arsenic (As) (*)	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3113B:2023	Không phát hiện (LOD = 0,002)	mg/L	0,01
6.	Clo dư tự do (*)	TCVN 6225-2:2021	0,37	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
7.	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	< 1	CFU/100mL	< 3



PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department; Bộ Công Thương/ Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.

No. Document: QTCL-13/BM02
 Version: 12
 Date of issue: 06/04/2026

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE



CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh
Laboratory & Office: No.39A, 4th Street, An Lac Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



VILAS 1074 VIMCERTS 211

Số/ No: 12669.2604/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.04095 2604
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.10939 2604
Trang/ Page: 2/ 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCĐP 01:2022/LA
8.	<i>Escherichia coli</i> (*)	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	< 1	CFU/100mL	< 1

Ghi chú/ Notes:

Nhận xét: Mẫu có kết quả phân tích các chỉ tiêu trên nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 01:2022/LA.

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *The results are valid only for testing sample.*

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ *Name of samples as the client's requirement.*

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Time-limit of storage: 5 days from reporting date.*

LOD: Giới hạn phát hiện/ *LOD: Limit of Detection.*

LOQ: Giới hạn định lượng/ *LOQ: Limit of Quantification.* Kết quả được biểu thị < 1, < 10 CFU/đơn vị tính khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *The expression of results is less than 1 or less than 10 CFU/unit when the dish contains no colonies*

(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ *Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)*

(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ *Items are tested by subcontractor*

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trương

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



ThS. Nguyễn Văn Tâm



PTN được chỉ định bởi/ *Lab. designated by:* Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ *Ministry of Health - Agency of Food Safety;* Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ *Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department;* Bộ Công Thương/ *Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.*

No. Document: QTCL-13/BM02
Version: 12
Date of issue: 06/04/2026

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE



CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh
 Laboratory & Office: No.39A, 4th Street, An Lac Ward, Ho Chi Minh City
 Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
 Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 12668.2604/KQ-VTT
 Mã số/ Code: KH.04095 2604
 Mã số mẫu/ Sample code: PTN.10938 2604
 Trang/ Page: 1/ 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH CẦN GIUỘC**
 Địa chỉ/ Address : **ĐT 835, Ấp Lộc Tiền, Xã Mỹ Lộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam**
 Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **03/04/2026** Thời gian phân tích/ Time of analysis: **03-09/04/2026**
 Ngày trả kết quả/ Date of issue : **10/04/2026**
 Loại mẫu/ Kind of sample : **Nước sạch** Số lượng mẫu/ Quantity of sample: **2 lít**
 Tên mẫu/ Name of sample : **Trạm 3: gồm xã Phước Vĩnh Tây, xã Tân Tập (xã Đông Thạnh, Tân Tập, Phước Vĩnh Tây, Phước Vĩnh Đông cũ) (mua nước từ Công ty cổ phần nước Biwase và Công ty cổ phần nước và môi trường Bằng Tâm – CUỐI DÒNG – Đê Vĩnh Tân)**
 Tình trạng mẫu / State of sample : **Đựng trong can nhựa**

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCĐP 01:2022/LA
1.	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C:2023	Không phát hiện (LOD = 3)	TCU	15
2.	Mùi, vị	SOP.01-436:2022 (Ref. TCVN 2653:1978, SMEWW 2150B, 2160B:2023)	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi vị lạ
3.	Độ đục (*)	SMEWW 2130B:2023	Không phát hiện (LOD = 0,15)	NTU	2
4.	pH (*)	TCVN 6492:2011	7,46	-	trong khoảng 6,0-8,5
5.	Arsenic (As) (*)	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3113B:2023	Không phát hiện (LOD = 0,002)	mg/L	0,01
6.	Clo dư tự do (*)	TCVN 6225-2:2021	0,33	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
7.	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	< 1	CFU/100mL	< 3

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: **Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department; Bộ Công Thương/ Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.**

No. Document: QTCL-13/BM02
 Version: 12
 Date of issue: 06/04/2026

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE



CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN

VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh
Laboratory & Office: No.39A, 4th Street, An Lac Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 12668.2604/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.04095 2604
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.10938 2604
Trang/ Page: 2/ 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCĐP 01:2022/LA
8.	<i>Escherichia coli</i> (*)	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	< 1	CFU/100mL	< 1

Ghi chú/ Notes:

Nhận xét: Mẫu có kết quả phân tích các chỉ tiêu trên nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 01:2022/LA.

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *The results are valid only for testing sample.*

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ *Name of samples as the client's requirement.*

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Time-limit of storage: 5 days from reporting date.*

LOD: Giới hạn phát hiện/ *LOD: Limit of Detection.*

LOQ: Giới hạn định lượng/ *LOQ: Limit of Quantification.* Kết quả được biểu thị < 1, < 10 CFU/đơn vị tính khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *The expression of results is less than 1 or less than 10 CFU/unit when the dish contains no colonies*

(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ *Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)*

(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ *Items are tested by subcontractor*

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER**

ThS. Huỳnh Ngọc Trương

**GIÁM ĐỐC
DIRECTOR**

ThS. Nguyễn Văn Tâm



PTN được chỉ định bởi/ *Lab. designated by:* Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ *Ministry of Health - Agency of Food Safety;* Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ *Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department;* Bộ Công Thương/ *Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.*

No. Document: QTCL-13/BM02
Version: 12
Date of issue: 06/04/2026

**SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE**



CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh
Laboratory & Office: No.39A, 4th Street, An Lac Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 12667.2604/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.04095 2604
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.10937 2604
Trang/ Page: 1/ 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH CẦN GIUỘC**
Địa chỉ/ Address : **ĐT 835, Ấp Lộc Tiền, Xã Mỹ Lộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **03/04/2026** Thời gian phân tích/ Time of analysis: **03-09/04/2026**
Ngày trả kết quả/ Date of issue : **10/04/2026**
Loại mẫu/ Kind of sample : **Nước sạch** Số lượng mẫu/ Quantity of sample: **2 lít**
Tên mẫu/ Name of sample : **Trạm 2: xã Phước Lý (Nước ngầm + mua nước từ Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An và Xí nghiệp cấp nước sinh hoạt Nông Thôn TPHCM – CUỐI DÒNG – Cầu Long Thượng)**
Tình trạng mẫu / State of sample : **Đựng trong can nhựa**

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCĐP 01:2022/LA
1.	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C:2023	Không phát hiện (LOD = 3)	TCU	15
2.	Mùi, vị	SOP.01-436:2022 (Ref. TCVN 2653:1978, SMEWW 2150B, 2160B:2023)	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi vị lạ
3.	Độ đục (*)	SMEWW 2130B:2023	Không phát hiện (LOD = 0,15)	NTU	2
4.	pH (*)	TCVN 6492:2011	7,59	-	trong khoảng 6,0-8,5
5.	Arsenic (As) (*)	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3113B:2023	Không phát hiện (LOD = 0,002)	mg/L	0,01
6.	Clo dư tự do (*)	TCVN 6225-2:2021	0,31	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
7.	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	< 1	CFU/100mL	< 3

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: **Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department; Bộ Công Thương/ Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.**

No. Document: QTCL-13/BM02
Version: 12
Date of issue: 06/04/2026

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE



**CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN****VIET TIN TESTING CO., LTD**PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh
Laboratory & Office: No.39A, 4th Street, An Lac Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.comSố/ No: 12667.2604/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.04095 2604
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.10937 2604
Trang/ Page: 2/ 2**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT**

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCĐP 01:2022/LA
8.	<i>Escherichia coli</i> (*)	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	< 1	CFU/100mL	< 1

Ghi chú/ Notes:

Nhận xét: Mẫu có kết quả phân tích các chỉ tiêu trên nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 01:2022/LA.

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *The results are valid only for testing sample.*Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ *Name of samples as the client's requirement.*Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Time-limit of storage: 5 days from reporting date.*LOD: Giới hạn phát hiện/ *LOD: Limit of Detection.*LOQ: Giới hạn định lượng/ *LOQ: Limit of Quantification.* Kết quả được biểu thị < 1, < 10 CFU/đơn vị tính khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *The expression of results is less than 1 or less than 10 CFU/unit when the dish contains no colonies*(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ *Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)*(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ *Items are tested by subcontractor***PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER**

ThS. Huỳnh Ngọc Trường

**GIÁM ĐỐC
DIRECTOR**

ThS. Nguyễn Văn Tâm

PTN được chỉ định bởi/ *Lab. designated by:* Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ *Ministry of Health - Agency of Food Safety;* Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ *Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department;* Bộ Công Thương/ *Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.*No. Document: QTCL-13/BM02
Version: 12
Date of issue: 06/04/2026**SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE**



CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh
Laboratory & Office: No.39A, 4th Street, An Lac Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 12666.2604/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.04095 2604
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.10936 2604
Trang/ Page: 1/ 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH CÀN GIUỘC
Địa chỉ/ Address : ĐT 835, Ấp Lộc Tiền, Xã Mỹ Lộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 03/04/2026 Thời gian phân tích/ Time of analysis: 03-09/04/2026
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 10/04/2026
Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 2 lít
Tên mẫu/ Name of sample : Trạm 1: gồm xã Mỹ Lộc và một phần xã Phước Lý (Nước ngầm + mua nước từ Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An Công ty cổ phần nước Biwase Long An – CUỐI DÒNG – Đường 835B)
Tình trạng mẫu / State of sample : Đựng trong can nhựa

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCĐP 01:2022/LA
1.	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C:2023	Không phát hiện (LOD = 3)	TCU	15
2.	Mùi, vị	SOP.01-436:2022 (Ref. TCVN 2653:1978, SMEWW 2150B, 2160B:2023)	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi vị lạ
3.	Độ đục (*)	SMEWW 2130B:2023	Không phát hiện (LOD = 0,15)	NTU	2
4.	pH (*)	TCVN 6492:2011	7,53	-	trong khoảng 6,0-8,5
5.	Arsenic (As) (*)	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3113B:2023	Không phát hiện (LOD = 0,002)	mg/L	0,01
6.	Clo dư tự do (*)	TCVN 6225-2:2021	0,48	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
7.	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	< 1	CFU/100mL	< 3

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department; Bộ Công Thương/ Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.

No. Document: QTCL-13/BM02
Version: 12
Date of issue: 06/04/2026

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE





CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh
Laboratory & Office: No.39A, 4th Street, An Lac Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 12666.2604/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.04095 2604
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.10936 2604
Trang/ Page: 2/ 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCĐP 01:2022/LA
8.	<i>Escherichia coli</i> (*)	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	< 1	CFU/100mL	< 1

Ghi chú/ Notes:

Nhận xét: Mẫu có kết quả phân tích các chỉ tiêu trên nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 01:2022/LA.
Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *The results are valid only for testing sample.*
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ *Name of samples as the client's requirement.*
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Time-limit of storage: 5 days from reporting date.*
LOD: Giới hạn phát hiện/ *LOD: Limit of Detection.*
LOQ: Giới hạn định lượng/ *LOQ: Limit of Quantification.* Kết quả được biểu thị < 1, < 10 CFU/đơn vị tính khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *The expression of results is less than 1 or less than 10 CFU/unit when the dish contains no colonies*
(*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ *Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)*
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ *Items are tested by subcontractor*

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trương

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



ThS. Nguyễn Văn Tâm



PTN được chỉ định bởi/ *Lab. designated by:* Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ *Ministry of Health - Agency of Food Safety*; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ *Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department*; Bộ Công Thương/ *Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.*

No. Document: QTCL-13/BM02
Version: 12
Date of issue: 06/04/2026

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE



CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh
Laboratory & Office: No.39A, 4th Street, An Lac Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 12665.2604/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.04095 2604
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.10935 2604
Trang/ Page: 1/ 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH CÀN GIUỘC
Địa chỉ/ Address : ĐT 835, Ấp Lộc Tiền, Xã Mỹ Lộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 03/04/2026 Thời gian phân tích/ Time of analysis: 03-09/04/2026
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 10/04/2026
Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 2 lít
Tên mẫu/ Name of sample : Trạm 1: gồm xã Mỹ Lộc và một phần xã Phước Lý (Nước ngầm + mua nước từ Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An + Công ty cổ phần nước Biwase Long An- GIỮA DÒNG – Đường 835A)
Tình trạng mẫu / State of sample : Đựng trong can nhựa

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCĐP 01:2022/LA
1.	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C:2023	Không phát hiện (LOD = 3)	TCU	15
2.	Mùi, vị	SOP.01-436:2022 (Ref. TCVN 2653:1978, SMEWW 2150B, 2160B:2023)	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi vị lạ
3.	Độ đục (*)	SMEWW 2130B:2023	Không phát hiện (LOD = 0,15)	NTU	2
4.	pH (*)	TCVN 6492:2011	7,51	-	trong khoảng 6,0-8,5
5.	Arsenic (As) (*)	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3113B:2023	Không phát hiện (LOD = 0,002)	mg/L	0,01
6.	Clo dư tự do (*)	TCVN 6225-2:2021	0,36	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
7.	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	< 1	CFU/100mL	< 3

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department; Bộ Công Thương/ Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.

No. Document: QTCL-13/BM02
Version: 12
Date of issue: 06/04/2026

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE





CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh
Laboratory & Office: No.39A, 4th Street, An Lac Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktelviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 12665.2604/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.04095 2604
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.10935 2604
Trang/ Page: 2/ 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCĐP 01:2022/LA
8.	<i>Escherichia coli</i> (*)	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	< 1	CFU/100mL	< 1

Ghi chú/ Notes:

Nhận xét: Mẫu có kết quả phân tích các chỉ tiêu trên nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 01:2022/LA.
Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *The results are valid only for testing sample.*
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ *Name of samples as the client's requirement.*
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Time-limit of storage: 5 days from reporting date.*
LOD: Giới hạn phát hiện/ *LOD: Limit of Detection.*
LOQ: Giới hạn định lượng/ *LOQ: Limit of Quantification.* Kết quả được biểu thị < 1, < 10 CFU/đơn vị tính khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *The expression of results is less than 1 or less than 10 CFU/unit when the dish contains no colonies*
(*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ *Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)*
(s/c) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ *Items are tested by subcontractor*

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trường

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

ThS. Nguyễn Văn Tâm

PTN được chỉ định bởi/ *Lab. designated by:* Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ *Ministry of Health - Agency of Food Safety;* Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ *Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department;* Bộ Công Thương/ *Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.*

No. Document: QTCL-13/BM02
Version: 12
Date of issue: 06/04/2026

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE

**CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN****VIET TIN TESTING CO., LTD**PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh
Laboratory & Office: No.39A, 4th Street, An Lac Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktelviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com

VILAS 1074 VIMCERTS 211

Số/ No: 12664.2604/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.04095 2604
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.10934 2604
Trang/ Page: 1/ 2**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT**

Tên khách hàng/ Client : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH CẦN GIUỘC**

Địa chỉ/ Address : ĐT 835, Ấp Lộc Tiền, Xã Mỹ Lộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 03/04/2026 Thời gian phân tích/ Time of analysis: 03-09/04/2026

Ngày trả kết quả/ Date of issue : 10/04/2026

Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 2 lít

Tên mẫu/ Name of sample : Trạm 1: gồm xã Mỹ Lộc và một phần xã Phước Lý (Nước ngầm + mua nước từ Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An + Công ty cổ phần nước Biwase Long An – ĐÀU DÒNG – Tại Nhà máy Mỹ Lộc)

Tình trạng mẫu / State of sample : Đựng trong can nhựa

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCĐP 01:2022/LA
1.	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C:2023	Không phát hiện (LOD = 3)	TCU	15
2.	Mùi, vị	SOP.01-436:2022 (Ref. TCVN 2653:1978, SMEWW 2150B, 2160B:2023)	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi vị lạ
3.	Độ đục (*)	SMEWW 2130B:2023	Không phát hiện (LOD = 0,15)	NTU	2
4.	pH (*)	TCVN 6492:2011	7,29	-	trong khoảng 6,0-8,5
5.	Arsenic (As) (*)	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3113B:2023	Không phát hiện (LOD = 0,002)	mg/L	0,01
6.	Clo dư tự do (*)	TCVN 6225-2:2021	0,35	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
7.	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	< 1	CFU/100mL	< 3

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department; Bộ Công Thương/ Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.

No. Document: QTCL-13/BM02
Version: 12
Date of issue: 06/04/2026**SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE**



CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh
Laboratory & Office: No.39A, 4th Street, An Lac Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 12664.2604/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.04095 2604
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.10934 2604
Trang/ Page: 2/ 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCĐP 01:2022/LA
8.	<i>Escherichia coli</i> (*)	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	< 1	CFU/100mL	< 1

Ghi chú/ Notes:

Nhận xét: Mẫu có kết quả phân tích các chỉ tiêu trên nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 01:2022/LA.
Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ *The results are valid only for testing sample.*
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ *Name of samples as the client's requirement.*
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Time-limit of storage: 5 days from reporting date.*
LOD: Giới hạn phát hiện/ *LOD: Limit of Detection.*
LOQ: Giới hạn định lượng/ *LOQ: Limit of Quantification.* Kết quả được biểu thị < 1, < 10 CFU/đơn vị tính khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *The expression of results is less than 1 or less than 10 CFU/unit when the dish contains no colonies*
(*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ *Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)*
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ *Items are tested by subcontractor*

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trường



GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

ThS. Nguyễn Văn Tâm



PTN được chỉ định bởi/ *Lab. designated by:* Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ *Ministry of Health - Agency of Food Safety;* Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ *Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department;* Bộ Công Thương/ *Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.*

No. Document: QTCL-13/BM02
Version: 12
Date of issue: 06/04/2026

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE